

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TD5+CLO	7:25	0+20+0	0+0+0		0+21+0	0+0+0	Chuyen 2 TD2-CLO
2		P7+P8+VSP02	9:25	2+1+15	0+0+0		0+0+22	0+0+0	Chuyen 4 P7-P8

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2 - TD5 - CLO	CREW: CHIẾN - ĐNam - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHUSH MAKSIM	TD5	40	1	5		100	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN XUÂN THỂ	TD5	88	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THIỆU	TD5	82	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	89	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD5	87	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC CUONG	TD5	86	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	92	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRƯỞNG THIEN	TD5	386	1	5	50	82	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VIỆT THĂNG	TD5	385	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
10	TRỊNH DUY THANH	TD5	85	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN GIN	TD5	83	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ VĂN THANH	TD5	379-380	2	10		65	PSV	Vietnamese
13	ĐINH VĂN THĂNG	TD5	381	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	383	1	5		80	PSV	Vietnamese
15	VŨ ĐỨC TUÂN	TD5	91	1	13		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN LƯƠNG SƠN	TD5	384	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	84	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	382	1	5		62	PSV	Vietnamese
19	PHẠM CÔNG THÀNH	TD5	81	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	0	0	0	0	0	0	2	CHUYỂN 02 PAX TỪ TD2 SANG CLO
2	TD5	19	20	118	1.352	50	21		
3	CLO	0	0	0	0	50	0		
TOTAL		19	20	118	1.352	100	21		
WEIGHT KG				118	1.352	100			

GRAND TOAL: 1.570 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	TO: P7 - P8 - VSP02	CREW: CHIÊN - ĐNam - <i>Quỳnh</i>	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC SANG	P7	91-92	2	18		55	THÀNH PH	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DOÀN	P7	89-90	2	15		51	THÀNH PH	Vietnamese
3	TRẦN KIM THẠCH	P8	22-24	3	22		64	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN NHẬT	VSP02	74	1	12	38	66	LONG VU	Vietnamese
5	NGÔ QUANG NHẬT	VSP02	60-61	2	15	30	69	LONG VU	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIỆU	VSP02	63	1	7		64	LONG VU	Vietnamese
7	PHAN ĐỨC THUẬN	VSP02	68-69	2	10		60	LONG VU	Vietnamese
8	BUI NGỌC KÝ	VSP02	25-59	2	15		75	LONG VU	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐỨC	VSP02	66-67	2	17		71	LONG VU	Vietnamese
10	NGUYỄN TRIỀU VŨ	VSP02	65	1	14		70	LONG VU	Vietnamese
11	TÔNG VĂN DŨNG	VSP02	62	1	8		62	LONG VU	Vietnamese
12	TRƯƠNG HOÀI PHONG	VSP02	22	1	7		73	LONG VU	Vietnamese
13	HỒ MINH TÂN	VSP02	18	1	11	40	89	SHINTRAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THAI	VSP02	64	1	11		57	SHINTRAC	Vietnamese
15	SƠN THỊ	VSP02	21	1	5		56	SHINTRAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐĂNG QUYNH	VSP02	19-20	2	13		75	SHINTRAC	Vietnamese
17	VUÔNG NGỌC HỮU	VSP02	77-78	2	17		65	SHINTRAC	Vietnamese
18	HUYNH TÂN TRIỀU	VSP02	79-80	2	12		58	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	2	4	33	106	0	0	14	CHUYEN 4 PAX P7-P8
2	P8	1	3	22	64	0	1		
3	VSP02	15	22	174	1.010	108	21		
TOTAL		18	29	229	1.180	108	22		
WEIGHT KG				229	1.180	108			

GRAND TOAL: 1.517 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN